TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 09-01-2024
"V/v Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Thị Phương Trang – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST - DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc *"Đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST - DS ngày 05/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 192/2023/QĐST – DS ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 28/3/2022 ông T và anh T1 có ký kết hợp đồng thi công xây dựng, nội dung anh T1 nhận thi công sửa chữa nhà ở bao gồm các hạn mục ghi trong hợp đồng với giá tiền là 120.000.000đồng. Thời gian thi công từ ngày 28/3/2022 đến ngày 25/4/2022.

Phương thức thanh toán chia như sau:

+ Lần thứ nhất ký kết hợp đồng tạm ứng 50.000.000đồng.

+ Lần thứ hai khi lợp mái tol xong ứng 20.000.000đồng.

+ Lần thứ ba lát nền xong ứng 20.000.000đồng.

+ Phần còn lại khi giao nhà xong thanh toán số tiền còn lại là 30.000.000đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng ngày 28/3/2022 ông T giao cho anh T1 số tiền 50.000.000đồng, có ký tên trực tiếp vào hợp đồng. Ngày 04/4/2022, ông T giao cho anh T1 số tiền là 20.000.000đồng để trả tiền công thợ hàng tuần. Đến ngày 11/4/2022 ông T giao cho anh T1 số tiền 20.000.000đồng để trả tiền công thợ. Do tin tưởng nên ông T đã giao cho anh T1 tổng cộng 03 lần tiền với số tiền là 90.000.000đồng. Anh T2 tiếp tục thi công đến ngày 22/4/2022 thì anh T2 không tiếp tục thi công và liên lạc nhiều lần không được.

Nay ông T yêu cầu anh T2 có trách nhiệm trả lại số tiền là 90.000.000đồng, ông T không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T3: Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh T3 nhưng anh T3 không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:*

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 40.000.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ nộp 2.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự và thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục và thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy có các tài liệu, chứng cứ do Toà án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên toà sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.000.000đồng mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn do hai bên có hợp đồng sửa chữa nhà nên Toà án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng sửa chữa nhà"*. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T chỉ yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 90.000.000đồng mà anh T1 đã nhận của ông, không yêu cầu gì đối với hợp đồng sửa chữa giữa hai bên do anh T1 chưa tiến hành sửa chữa theo thoả thuận nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp là *"Đòi lại tài sản"* theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thành T3 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T3.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Theo hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/3/2022 do ông T cung cấp thể hiện anh T3 có ký nhận tiền của ông T 03 lần gồm: lần 1: 50.000.000đồng, lần 2: 20.000.000đồng, lần 3: 20.000.000đồng nên xác định việc anh T3 có nhận của ông T số tiền tổng cộng 90.000.000đồng là sự việc thực tế có xảy ra. Ông T đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự *"đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Toà án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp..."*. Riêng anh T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự *"đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay ông T chỉ yêu cầu anh T3 trả lại số tiền là 40.000.000đồng, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận.

[2.1]. Buộc anh Nguyễn Thành T3 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 40.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2.2]. Về án phí:

- Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. H lại cho ông T số tiền án phí đã nộp là 2.250.000đồng theo biên lai thu số 0011633 ngày 12/7/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Anh T2 phải chịu 2.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Thành T3 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 40.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí:

- H lại cho ông T số tiền án phí đã nộp là 2.250.000đồng theo biên lai thu số 0011633 ngày 12/7/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Anh T2 phải chịu 2.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi